

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Tiểu luận kết thúc học phần

Học phần: LOGIC HỌC

ĐỀ TÀI: *Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic do vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế*

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu
Sinh viên thực hiện : Bùi Văn Quân
Lớp : K22LKTC
Mã sinh viên : 22A4060298

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU.....	2
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	2
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	3
II. NỘI DUNG.....	4
1. Tam đoạn luận.....	4
1.1. Khái niệm.....	4
1.2. Quy tắc chung và các lỗi vi phạm tương ứng của quy tắc chung.....	4
2. Liên hệ thực tế.....	7
3. Liên hệ bản thân.....	9
3.1. Ý nghĩa của suy luận trong học tập và cuộc sống.....	9
3.2. Ý nghĩa của suy luận đối với sinh viên Khoa luật kinh tế.....	10
III. KẾT LUẬN.....	10
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	11

I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Suy luận là một trong những hoạt động diễn ra thường ngày đối với mỗi chúng ta, chúng có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình đưa ra kết luận về một vấn đề nào đó và phần nào thể hiện được khả năng của người thực hiện suy luận. Đối với học sinh, sinh viên những người gắn liền với hoạt động học tập thì suy luận càng trở nên phổ biến. Việc nắm vững suy luận đảm bảo tính chính xác và chặt chẽ trong lời nói lập luận có ý nghĩa rất quan trọng trong giao tiếp hay thực hiện soạn thảo văn bản nào đó. Tuy nhiên để trở thành người có năng lực suy luận tốt không phải điều dễ dàng, chúng ta phải trau dồi kiến thức về nó và áp dụng thường xuyên vào thực tiễn. Trong học phần logic học đại cương có một nội dung liên quan đến suy luận mà em đặc biệt quan tâm đó là tam đoạn luận. Với tầm quan trọng của suy luận nói chung và tam đoạn luận nói riêng đối với học tập và cuộc sống thì việc nghiên cứu về nó là vô cùng cần thiết và hữu ích đặc biệt là đối với sinh viên. Từ những lý do trên em quyết định lựa chọn đề tài: “Phân tích tam đoạn luận đơn và các lỗi vi phạm quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế” làm đề tài nghiên cứu cho bài tiểu luận cuối kì lần này.

2. Mục đích nghiên cứu

Phân tích nội dung lý thuyết về tam đoạn luận đơn từ đó ứng dụng và chỉ ra một số trường hợp thực tế vi phạm quy tắc chung của tam đoạn luận đơn và liên hệ ý nghĩa của chúng đối với quá trình học tập và cuộc sống.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên em sẽ tiến hành phân tích các nội dung:

1. Phân tích lý luận về tam đoạn luận đơn

2. Các yêu cầu và lỗi vi phạm tương ứng của tam đoạn luận đơn

3. Các ví dụ thực tiễn vi phạm quy tắc chung của tam đoạn luận đơn

4. Liên hệ thực tế

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nội dung tam đoạn luận đơn thuộc học phần logic học đại cương.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Dựa trên quan điểm của logic học hình thức về hình thức và các quy luật của tư duy

Phương pháp nghiên cứu:

Phân tích, tổng hợp tài liệu: Thực hiện phân tích và tổng hợp các tài liệu khác nhau và liên kết chúng từ đó đưa ra cái nhìn sâu sắc hơn về nội dung tam đoạn luận đang cần tiến hành nghiên cứu

Khái quát hóa: Sử dụng ngôn từ diễn đạt một cách súc tích, đơn giản về các nội dung lý luận dưới góc nhìn cá nhân.

Hệ thống hóa: Hệ thống các nội dung dựa trên mối liên hệ của chúng để từ đó hình thành nên khung nội dung của tiểu luận

Hình thức hóa: sử dụng các ký hiệu, dấu hiệu mà chủ yếu là chữ cái latin để thay mặt cho nội dung cần phản ánh về đối tượng đang cần xác định.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận: Góp phần giải thích nội dung lý thuyết liên quan đến tam đoạn luận đơn thông qua việc phân tích các ví dụ thực tiễn và quan điểm cá nhân liên quan đến nội dung này.

Ý nghĩa thực tiễn: Chỉ rõ vai trò, ý nghĩa và tính ứng dụng của tam đoạn luận đơn đối với quá trình học tập và cuộc sống.

II. NỘI DUNG

1. Tam đoạn luận

1.1. Khái niệm

Tam đoạn luận là suy luận diễn dịch gián tiếp có tiền đề là hai phán đoán đơn (02 đoạn) từ đó suy ra kết luận cũng có dạng là một phán đoán đơn. Mỗi tam đoạn luận đều được cấu tạo từ ba phán đoán đơn và ba phán đoán đơn này được cấu tạo từ ba thuật ngữ là các danh từ logic. Trong đó, thuật ngữ nhỏ là S; Thuật ngữ lớn là P và thuật ngữ giữa M với vai trò làm cầu nối tạo thành mối liên hệ giữa S và P hình thành trong kết luận được gọi là thuật ngữ giữa.

Một tam đoạn luận đơn có cấu trúc:

Tiền đề lớn: Kết hợp giữa P với M

Tiền đề nhỏ: Kết hợp giữa S với M

Kết luận: Kết hợp giữa S với P

Phụ thuộc vào sự thay đổi vị trí của thuật ngữ giữa – M trong tiền đề mà người ta xây dựng thành bốn loại hình tam đoạn luận I, II, III, IV.

1.2. Quy tắc chung và các lỗi vi phạm tương ứng của quy tắc chung

Để rút ra được kết luận chân thực thì tam đoạn luận đơn phải đảm bảo Có tám quy tắc chung và mỗi loại hình đều phải đảm bảo hai quy tắc riêng tương ứng. Tuy nhiên, theo yêu cầu của đề bài nên em chỉ dẫn ra tám quy tắc chung và các lỗi tương ứng vi phạm:

1. Quy tắc 1: Chỉ được phép có danh từ logic trong tam đoạn luận bởi cơ sở xây dựng tam đoạn luận là dựa trên mối quan hệ của ba danh từ. Nếu có 2 danh từ logic ta không thể rút ra kết luận gì và bản chất ở đây chỉ có thể xây dựng được các phán đoán đơn. Còn nếu có từ bốn danh từ logic thì cũng

không thể rút ra kết luận gì cả. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi: Sinh thêm thuật ngữ.

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Một số công nhân là thanh niên

Tiền đề nhỏ: Một số quản lý là nữ giới

Kết luận: Không thể rút ra được kết luận gì

2. Quy tắc 2: Thuật ngữ giữa M phải chu diên ít nhất một lần trong hai tiền đề. Vi phạm quy tắc này sẽ dẫn đến lỗi thuật ngữ giữa M không chu diên lần nào ở cả hai tiền đề

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Phần lớn doanh nhân là trung niên (M -)

Tiền đề nhỏ: Một số nữ giới là doanh nhân (M -)

Kết luận: Một số nữ giới là doanh nhân

3. Quy tắc 3: Thuật ngữ S,P muốn chu diên ở kết luận thì phải chu diên ở tiền đề. Vi phạm quy tắc này sẽ mắc thuật ngữ S (P) không chu diên ở tiền đề nhưng lại chu diên ở kết luận.

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Mọi số nông dân đều là người lao động(P -)

Tiền đề nhỏ: Ông A không phải nông dân

Kết luận: Ông A không phải người lao động (P +)

4. Quy tắc 4: Một trong hai tiền đề là phán đoán phủ định thì kết luận bắt buộc là phán đoán phủ định. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi tiền đề lớn (tiền đề nhỏ) là phán đoán phủ định nhưng kết luận lại là phán đoán khẳng định

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Một số thanh niên là đảng viên

Tiền đề nhỏ: Một số sinh viên không là thanh niên

Kết luận: Một số sinh viên là đảng viên

5. Quy tắc 5: Nếu một trong hai tiền đề là phán đoán bộ phận thì kết luận bắt buộc là phán đoán bộ phận. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi tiền đề lớn (tiền đề nhỏ) là phán đoán bộ phận nhưng kết luận lại là phán đoán toàn thể

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Một số số chia hết cho 2 là số chia hết cho 3

Tiền đề nhỏ: Một số số chia hết cho 5 là số chia hết cho 2

Kết luận: Mọi số chia hết cho 5 đều là số chia hết cho 2

6. Quy tắc 6: Hai tiền đề là phán đoán phủ định thì không rút ra được kết luận. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi hai tiền đề là phán đoán phủ định nhưng vẫn rút ra được kết luận.

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Mọi số chẵn không phải là số lẻ

Tiền đề nhỏ: Một số số chia hết cho 3 không phải số chẵn

Kết luận: Một số số chia hết cho 3 không phải số lẻ

7. Quy tắc 7: Hai tiền đề là phán đoán bộ phận thì không rút ra được kết luận. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi hai tiền đề là phán đoán bộ phận nhưng vẫn rút ra được kết luận

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Một số nhà báo là nhà văn

Tiền đề nhỏ: Một số nhà văn là đảng viên

Kết luận: Một số đảng viên là nhà báo

8. Quy tắc 8: Hai tiền đề là phán đoán khẳng định thì kết luận phải là phán đoán khẳng định. Vi phạm quy tắc này dẫn đến lỗi hai tiền đề là phán đoán khẳng định nhưng kết luận là phán đoán phủ định

Ví dụ:

Tiền đề lớn: Mọi giáo sư đều là nhà khoa học

Tiền đề nhỏ: Ngô Bảo Châu là giáo sư

Kết luận: Ngô Bảo Châu không phải nhà khoa học

2. Liên hệ thực tế

Ví dụ thực tế 1:

Câu chuyện con người là chúa tể muôn loài là một trong những câu chuyện chúng ra được học ở bậc tiểu học. Một số đứa trẻ không hiểu được ý nghĩa của câu chuyện này đã biện minh cho một số hành động không tốt của bản thân với lý do mình là chúa tể muôn loài mình làm gì cũng được. Kiểu biện minh này khi phân tích theo cấu trúc của tam đoạn luận đơn sẽ như sau:

Tiền đề lớn: Con người là chúa tể muôn loài

Tiền đề nhỏ: A là người

Kết luận: A là chúa tể muôn loài

Tam đoạn luận đơn trên sai và kết luận không mang tính chân thực bởi nó đã vi phạm quy tắc đầu tiên của tam đoạn luận đơn: Chỉ được phép có ba thuật ngữ trong tam đoạn luận, ở tam đoạn luận trên thuật ngữ người (cá nhân cụ thể) không đồng nhất với loài người (danh từ logic chỉ chung) hay nói cách khác tam đoạn luận này đã mắc lỗi sinh thêm thuật ngữ.

Ví dụ thực tế 2:

Thành ngữ “Đứng núi này trông núi nọ” là một thành ngữ chỉ người nào đó không bằng lòng với thứ mình đang có mà lại đi mơ tưởng thứ không thuộc về mình. Trước đây em có thực tập tại một công ty A tuy nhiên vì một số lý

do mà em nghỉ tại công ty đó để chuyển sang thực tập ở một nơi phù hợp hơn khi một người học cùng lớp với em biết được chuyện đó đã đi nói xấu cùng một số bạn cùng lớp khác em là người đứng núi này trông núi nọ trong khi chưa tìm hiểu rõ nguyên nhân tại sao em lại nghỉ chỗ đó.

Ở trên suy luận của người nói xấu em có thể viết lại dưới dạng: “Vì nó đang đi làm ở công ty này chưa được bao lâu mà đã muốn chuyển ngay qua công ty khác nên nó là đứa đứng núi này trông núi nọ”.

Chuyển về dạng tam đoạn luận đơn:

Tiền đề lớn: Tất cả người đứng núi này trông núi nọ đều chưa ổn định chỗ này đã muốn chuyển sang chỗ khác (M -)

Tiền đề nhỏ: A chưa ổn định chỗ này đã muốn chuyển qua chỗ khác (M -)

Kết luận: A chính là người đứng núi này trông núi nọ

Tam đoạn luận trên sai hay nói cách khác suy luận như trên là sai bởi nó vi phạm quy tắc của tam đoạn luận đơn: Thuật ngữ giữa M phải chu diên ít nhất một lần trong hai tiền đề, lỗi tương ứng thuật ngữ giữa M chưa chu diên lần nào ở cả hai tiền đề.

Ví dụ thực tế 3:

Một trong những dạng suy luận sai trong thực tế gây ra bởi việc đánh đồng “phần lớn, đa số, hầu hết” thành “toàn bộ” nhằm mục đích nguy hiểm hoặc phán xét ai đó để giữ nguyên lập luận cá nhân của mình ví dụ như: “Hầu như con gái bây giờ đứa nào cũng sống thực dụng nên mày cũng thế thôi”...

Việc suy luận như trên có thể chuyển về tam đoạn luận đơn như sau:

Tiền đề lớn: Hầu hết con gái bây giờ sống thực dụng

Tiền đề nhỏ: A là con gái

Kết luận: A cũng sống thực dụng

Suy luận như trên sai vì tam đoạn luận đơn đã vi phạm quy tắc thuật ngữ giữa M phải chu diên ít nhất một lần trong hai tiền đề lỗi vi phạm tương ứng thuật ngữ giữa M không chu diên lần nào, đây cũng là lỗi chung của dạng suy luận tương tự như trên.

3. Liên hệ bản thân

3.1. Ý nghĩa của suy luận trong học tập và cuộc sống

Suy luận là một trong những hoạt động xảy ra với tần suất cao trong cuộc sống và học tập của chúng ta: chúng có thể xuất hiện trong giao tiếp, trong văn bản hành chính,...Đối với cuộc sống, suy luận có vai trò như một công cụ hỗ trợ quá trình giao tiếp của chúng ta, nó giúp cho các lập luận trở nên chặt chẽ, chính xác và rõ ràng. Bên cạnh đó, người có khả năng suy luận tốt luôn được coi trọng bởi người khác và là nơi xin ý kiến của rất nhiều người. Không chỉ vậy, trong cuộc sống suy luận còn góp phần hình thành tính cách của mỗi chúng ta, người thường xuyên rèn luyện tư duy trau dồi kiến thức về suy luận sẽ có thiên hướng suy xét vấn đề dưới nhiều góc cạnh và đánh giá mọi thứ toàn diện hơn. Không chỉ trở nên có tiếng nói trong các cuộc giao tiếp mà hiểu rõ bản chất và vận dụng thành thạo suy luận còn giúp chúng ta hoạt động hiệu quả hơn đặc biệt đối với những nghề thiên về ngoại giao. Hiểu biết rõ về suy luận sẽ giúp chúng ta tránh khỏi những lỗi sai cơ bản từ đó cũng trở nên tinh táo hơn trong các cuộc tranh luận, tránh bị người khác “dắt mũi”. Ngược lại, không có hiểu biết về suy luận rất dễ chịu thiệt thòi về bản thân.

Đối với học tập, có thể coi suy luận như một thước đo để đánh giá khả năng lập luận, phản biện trong các cuộc tranh luận....của học sinh, sinh viên. Ngoài ra suy luận còn phục vụ cho các buổi thảo luận, đưa ra quan điểm, ý kiến và bảo vệ điều đó một cách thuyết phục hơn. Cũng có thể coi suy luận là một công cụ phục vụ mục đích hoàn thành một vấn đề nào đó của chúng ta.

3.2. Ý nghĩa của suy luận đối với sinh viên Khoa luật kinh tế

Đối với sinh viên Khoa luật kinh tế một ngành học có mối liên hệ cực kì chặt chẽ với quá trình tranh luận, phản biện,... cá nhân em thấy suy luận có một số ý nghĩa quan trọng như sau:

Thứ nhất, phát hiện sự giả dối trong quá trình lập luận của người khác từ đó đưa ra quan điểm bác bỏ hoặc bảo vệ quan điểm của cá nhân mình. Đặc biệt là trong vấn đề đảm bảo quyền lợi cho thân chủ hoặc cá nhân mình.

Thứ hai, thu thập kiến thức có chọn lọc nhờ khả năng đánh giá tính đúng sai của vấn đề.

Thứ ba, hình thành tính cách và năng lực suy luận phục vụ cho nghề luật sư sau này của bản thân.

III. KẾT LUẬN

Suy luận nói chung và tam đoạn luận nói riêng không chỉ gói gọn ở lý thuyết sách vở mà nó còn có ý nghĩa và tính ứng dụng thực tiễn rất cao. Bằng kiến thức cá nhân kết hợp việc phân tích tổng hợp một số nguồn tài liệu em đã phân tích các nội dung xoay quanh tam đoạn luận đơn và phần nào nói lên ý nghĩa và tầm quan trọng của tam đoạn luận đơn đối với quá trình học tập và cuộc sống. Tuy nhiên, với vốn kiến thức còn hạn chế việc phân tích trên chỉ dừng lại ở mức cơ bản và chắc chắn còn tồn tại một vài thiếu sót, em rất mong sẽ nhận được sự góp ý của Cô để em có thể bổ sung hoàn thiện bài tiểu luận hơn nữa. Em xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

1. Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2010), Giáo trình logic học đại cương, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội